TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2023/HC-PT
Ngày: 28/3/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 429/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai", do có có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2190/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Hà Anh H, sinh năm 1947.

HKTT: quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hà Ngọc Q, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Trung H - Công ty Luật B, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

**** Người bị kiện:***

- Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Nguyễn Đ H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ông Hà Minh Đ, sinh năm 1946; bà Phạm Thị N, sinh năm 1948; chị Hà Thị Tố N, sinh năm 1977 và anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội; chị N, anh P có mặt; ông Đ, bà N vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị Tố N: Luật sư Trịnh Thị N và luật sư Phạm Bá T – Công ty Luật TNHH K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; luật sư T có mặt, luật sư N vắng mặt.

- Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh G; vắng mặt.

- Văn phòng công chứng G, thành phố Hà Nội; trụ sở: T, G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ông Hà Văn V, sinh năm 1938; địa chỉ: quận H, Hà Nội; có mặt.

- Ông Hà Văn T, sinh năm 1942; địa chỉ: quận T, Hà Nội; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hà Văn H, sinh năm 1946; địa chỉ: C, Hà Nội; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hà Phú C, sinh năm 1953; địa chỉ: quận T, TP Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hà Minh T2, sinh năm 1949; quận Đ, Hà Nội; có mặt.

- Ông Hà Minh T3, sinh năm 1958, địa chỉ: huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Ông Hà Minh T4, sinh năm 1962; địa chỉ: huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Ông Hà Ngọc L, sinh năm 1973; địa chỉ: quận G, TP Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hà Ngọc L1, sinh năm 1975; địa chỉ: thành phố T, TP Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hà Minh Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hà Ngọc Q, sinh năm 1983; địa chỉ: quận B, Hà Nội; có mặt

- Ông Hà Trung D, sinh năm 1983; địa chỉ: quận T, TP Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hà Minh T5, sinh năm 1983; địa chỉ: quận H, Hà Nội; có mặt.

- Ông Hà Minh Th, sinh năm 1975; địa chỉ: quận C, Hà Nội; có mặt.

- Ông Hà Hải G, sinh năm 1972 (cháu gọi ông Đ là chú); địa chỉ: quận H Mai, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Ông Hà Anh H khai xác định Chi 2 - họ Hà Hữu có ngôi nhà thờ họ trên thửa đất số 68 tờ bản đồ số 15 tại thôn 3, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội đã được tạo dựng từ trước năm 1958 và do đại diện Chi trưởng của họ là cụ Hà Văn C luân phiên quản lý, trông coi để cả dòng họ cùng thờ cúng.

Nguồn gốc thửa đất số 68 tờ bản đồ số 15 tại thôn 3, xã B, huyện G, Hà Nội từ trước năm 1958 trở về trước nhà thờ Chi 2 - họ Hà Hữu nằm tại vị trí của công trình thủy nông Bắc Hưng Hải.

Năm 1958, Nhà nước xây dựng công trình thủy nông Bắc Hưng Hải, lấy đất nhà thờ Chi 2 - họ Hà Hữu và đền bù cho thửa đất số 68, tờ bản đồ số 15 tại thôn 3, làng B, xã B. Sau khi được đền bù thửa đất này Chi 2 - họ Hà Hữu đã xây dựng lại nhà thờ và nhất trí cho vợ chồng ông Hà Văn T là bố đẻ ông Hà Minh Đ thuộc nhánh 3 - Chi 2 ở nhờ và trông nom hương khói Nhà thờ.

Đến năm 1974, ông Hà Minh Đ con trai ông Hà Văn T đi bộ đội về, chưa có gia đình và không có chỗ ở nên đã được Chi 2 - họ Hà Hữu đồng ý cho ở tạm đất của Nhà thờ cùng bố mẹ. Năm 1976, ông Hà Minh Đ lập gia đình với bà Phạm Thị N và có một con chung là Hà Thị Tố N. Khi ông Đ lập gia đình và sinh con, đại diện Trưởng chi họ đã vận động, đề nghị gia đình ông Hà Minh Đ chuyển ra ngoài để sinh sống riêng trả lại sự thanh tịnh, trang nghiêm của nhà thờ Họ. Tuy nhiên ông Hà Minh Đ xin tiếp tục ở lại do hoàn cảnh khó khăn.

Đến tháng 9 năm 2017, ông mới được ông Hà Văn Vui cho biết vào năm 2004 ông Hà Minh Đ đã tự ý làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đ mà không khai báo rõ nguồn gốc đất như trên và cũng không báo

cho dòng họ biết. Ông Hà Minh Đ đã được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận số Đ 205148 ngày 28/9/2004 đối với diện tích quyền sử dụng 263m^2 tại thửa đất trên. Sau khi ông Đ được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đ làm thủ tục tặng cho con gái là Hà Thị Tố N ½ diện tích đất, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị Tố N 125,7m^2 vào năm 2016.

Nay ông đề nghị :

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 205148 do UBND huyện G cấp cho hộ ông Hà Minh Đ ngày 28/9/2004.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 011106 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho bà Hà Thị Tố N ngày 01/8/2016.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện G:

Ngày 08/6/2003, hộ gia đình ông Hà Minh Đ đã lập biên bản họp gia đình thống nhất về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Minh Đ tại thửa đất trên.

Ngày 12/8/2004, UBND xã B đã đo đạc, lập biên bản xác định ranh giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng đất) lập hồ sơ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 263m^2, loại đất ở.

Ủy ban nhân dân xã B đã công khai hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Hà Minh Đ. Trong quá trình niêm yết công khai không nhận được đơn thắc mắc gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Minh Đ.

Ngày 03/9/2004, Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã B đã xét duyệt hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Hà Minh Đ với nguồn gốc là đất thổ cư cũ của bố mẹ được đền bù sông Bắc Hưng Hải và cho bố mẹ từ năm 1970. Bố mẹ chia cho ông Hà Minh Đ không có giấy tờ. Ngày 28/9/2004, UBND huyện G ban hành Quyết định số 846/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, vườn liền kề cho 77 hộ gia đình, cá nhân tại xã B trong đó có hộ gia đình ông Hà Minh Đ. Do đó ngày 28/9/2004, UBND huyện G đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Minh Đ số Đ 205148 tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 15, diện tích 263m^2, loại đất ở.

Năm 2016, ông Đ đã thực hiện tách cho con gái là Hà Thị Tố N một phần thửa đất, ngày 28/7/2016, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện G

đã đăng ký biến động vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 205148 với nội dung: Thay đổi diện tích từ 263m^2 thành 258m^2 do đo đạc hiện trạng ngày 11/3/2016. Thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất của hộ gia đình cho bà Hà Thị Tố N, diện tích còn lại 132,3m^2, thửa số 68. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội & Văn Phòng đăng ký đất đai Hà Nội huyện G:

Hộ gia đình ông Hà Minh Đ đã được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận số Đ 205148 theo Quyết định số 846/QĐ-UB ngày 28/9/2004 tại thửa đất số 68 tờ bản đồ số 15 diện tích 263m^2 đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài; địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội.

Ngày 02/4/2016, bà Hà Thị Tố N đã nộp hồ sơ tại Chi nhánh G về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung hộ gia đình. Theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung số 685/2016/VBTT ngày 01/4/2016 lập tại Văn phòng công chứng G, thành phố Hà Nội thì bà Hà Thị Tố N nhận phân chia thửa đất số 68(1), tờ bản đồ số 15, diện tích 125,7m^2 đất ở. Ngày 28/7/2016, Chi nhánh huyện G đã đăng ký biến động trên giấy chứng nhận số Đ 205148 nội dung: Thay đổi diện tích từ 263,0m^2 thành 258,0m^2 do đo đạc theo hiện trạng ngày 11/3/2016. Thỏa thuận phân chia QSDĐ của hộ gia đình cho bà Hà Thị Tố N, sinh năm 1977, trú tại xóm 3 thôn B, xã B, huyện G, Hà Nội diện tích 125,7m^2, số thửa 68(1), theo hồ sơ số 000470.TQ.001. Diện tích còn lại 132,3m^2, số thửa 68.

Trong quá trình xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị Tố N thì Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh G nhận được đơn đề nghị ngừng giao dịch đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 205148 do UBND huyện G cấp ngày 28/9/2004 của ông Hà Văn Quang.

Chi nhánh yêu cầu người có đơn phải xuất trình tài liệu chứng minh tài sản đang có tranh chấp đã được các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận. Tuy nhiên hết thời hạn ông Quang không cung cấp được các giấy tờ tài liệu theo quy định. Do vậy, ngày 28/7/2016, Chi nhánh G có Tờ trình số 3619/VPĐKĐĐGL về việc đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất tại xã B, huyện G trình Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền ở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất cho bà Hà Thị Tố N tại thửa đất số 68(1), tờ bản đồ số 15, diện tích 125,7m^2 đất ở.

Ngày 01/8/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 011106 cho bà Hà Thị Tố N.

Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội không thể hiện quan điểm giải quyết vụ án.

Văn phòng công chứng G không thể hiện quan điểm giải quyết vụ án.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã B:

Về nguồn gốc: Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 15 tại thôn 3 B hiện do gia đình ông Hà Minh Đ đang quản lý sử dụng. Thửa đất được hình thành do nhà nước cắm đất đền bù cho gia đình khi di chuyển nhà từ vị trí bị đào thành sông Bắc Hưng Hải từ năm 1958.

Về hồ sơ địa chính:

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1986, thửa đất được thể hiện tại thửa 157, tờ bản đồ số 2, diện tích 256m^2, đăng ký tên Hà Văn C.

Theo bản đồ và sổ dã ngoại năm 1993: Thửa đất được thể hiện tại thửa 68, tờ bản đồ số 15, diện tích 258m^2, đăng ký tên ông Hà Văn C.

Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 2004, thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã B, ông Hà Minh Đ đã xin kê khai và cấp giấy chứng nhận mang tên hộ gia đình ông Hà Minh Đ. UBND xã B thành lập hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xét duyệt và công khai theo quy định, sau đó lập tờ trình trình UBND huyện G cấp GCNQSD đất.

Năm 2016, ông Đ đã tiến hành thủ tục tặng cho sử dụng 1 phần đất cho con gái là Hà Thị Tố N tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện G. Ngày 09/5/2016, Văn phòng đăng ký đất đai huyện G đã có biên bản làm việc với ông Hà Ngọc Quang về việc ngăn chặn giao dịch đối với GCNQSD đất mang tên ông Hà Minh Đ do ông Quang đại diện dòng họ nộp đơn. Sau đó ông Quang không xuất trình được các văn bản giấy tờ theo yêu cầu, vì vậy UBND huyện G đã sang tên tách thửa 1 phần thửa đất cho bà Hà Thị Tố N.

Hiện nay trên thửa đất số 68 tờ bản đồ 15 mang tên ông Hà Minh Đ và thửa 68(1) mang tên bà Hà Thị Tố N. Hiện bà N và ông Đ đang sử dụng ăn ở tại đây.

Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức hòa giải từ năm 2015 cùng đại diện họ Chi họ Hà Hữu và gia đình ông Đ nhưng hòa giải không thành.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Hà Minh Đ, bà Phạm Thị N, bà Hà Thị Tố N, anh Nguyễn Hữu P trình bày: Thửa đất trên được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 cho hộ gia đình ông Hà Minh Đ là thửa đất do bố mẹ ông Đ để lại.

Thửa đất 68(1), chị Hà Thị Tố N được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất là thửa đất được tách ra từ thửa đất do bố mẹ ông Hà Minh Đ để lại.

Do đó, các ông bà ông không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hà Anh H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Văn V, Hà Văn T, Hà Văn H, Hà Phú C, Hà Minh T, Hà Minh Th, Hà Minh L, Hà Ngọc L, Hà Ngọc L2, Hà Minh Đ, Hà Ngọc Q, Hà Trung D, Hà Minh T2, Hà Minh Th2 được Tòa án xét đưa vào tham gia tố tụng (là thành viên đại diện cho chi 2 họ Hà Hữu) có ý kiến: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh H, Các ông đề nghị được giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/HCST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 3; Điều 30, 32, 116, điểm b khoản 2 Điều 193, 194, 204, 206 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND, Luật đất đai năm 2003, 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

- Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh H:

- Hủy phần Quyết định số 846/QĐ-UB ngày 28/9/2004 của UBND huyện G về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình ông Hà Minh Đ.

- Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 205148 ngày 28/9/2004 do UBND huyện G cấp cho hộ ông Hà Minh Đ.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 011106 ngày 01/8/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho chị Hà Thị Tố N.

Buộc UBND huyện G, thành phố Hà Nội phải thực hiện lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 68 tờ bản đồ 15 xã B, huyện G, Hà Nội đúng chủ sử dụng đất, đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/5/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Tố N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Hà Thị Tố N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị Tố N nêu luận cứ: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ về thời hiệu khởi kiện. Biên bản họp họ vào tháng 3/2016, ông Hà Anh H có ký nhận. Tòa án chỉ dựa vào lời khai của ông H mà không lấy ý kiến của những người tham gia họp, không giám định chữ ký, chữ viết trong biên bản. Việc cấp GCNQSDĐ cho bà N xuất phát từ biên bản họp họ nhưng Tòa sơ thẩm không xem xét đến giá trị pháp lý của văn bản này. Tòa sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng: Trên thửa đất còn có các con của chị N và anh P; chưa đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong dòng họ vào tham gia tố tụng, ví như các thành viên dòng họ là con gái và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của các thành viên dòng họ đã chết; xác định thiếu thành viên của dòng họ, chưa tiến hành việc xác minh thành viên dòng họ theo tập tục. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía người khởi kiện trình bày quan điểm: Áp dụng thời hiệu theo Bộ luật tố tụng dân sự. Người khởi kiện là ông Hà Anh H – cháu nội của ông Hà Văn Cừu, chứ không phải khởi kiện với tư cách là thành viên dòng họ. Ông Hà Anh H mất liên lạc từ năm 1999, tới tháng 7/2017 dòng họ mới tìm được thông tin của ông H ở Thành phố Hồ Chí Minh và khi đó thì ông H mới biết việc chị N được cấp GCNQSDĐ. Ngày 30/11/2016, UBND xã B có biên bản làm việc, chỉ có ông Vui tham gia, không có ông H tham gia. Các thành viên khác của dòng họ không có liên quan trực tiếp đến vụ việc khiếu kiện quyết định hành chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: - Thẩm phán, thư ký phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện

khi tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Kháng cáo trong hạn đối với toàn bộ bản án sơ thẩm nên cần được chấp nhận để xem xét. Người khang cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát thấy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư bên kháng cáo vì: Thời điểm ông H biết là vẫn trong thời hạn khởi kiện. Biên bản họp họ ngày 27/3/2016 do nhầm lẫn, thực tế biên bản sau năm 2018, thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Đây là vụ án hành chính nên người khác trong họ không nhất thiết phải triệu tập hết. Những thành viên tham gia do đánh giá của Hội đồng xét xử, các con chị N vẫn do chị N anh P đại diện, những người khác không bị ảnh hưởng gì về lợi ích. Nên Luật sư trình bày đây là sai sót về tố tụng cần phải hủy án là không đúng.

Về nội dung: Đất đó là đất của dòng họ Hà, nên cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà N, ông Đ.

Từ những nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, xử bác yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Tố N; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự; Luật sư; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Tố N trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND huyện G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt có đơn xin vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Xét thấy các đương sự vắng mặt đều không có kháng cáo và có đủ lời khai trong quá trình tố tụng, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ việc giải quyết vụ án của bà Hà Thị Tố N:

[2.1] Hội đồng xét xử nhận định:

* Xem xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà N về thời hiệu khởi kiện: - Biên bản họp họ ngày 27/3/2016 có chữ ký của ông Hà Anh H, tuy nhiên nội dung biên bản lại thể hiện chính xác số, ngày các công văn của các cơ quan Nhà nước vào năm 2018. Do đó, phía người khởi kiện trình bày ghi nhầm ngày là 27/3/2016 còn thực chất biên bản được làm vào sau năm 2018, sau ngày có các công văn của các cơ quan Nhà nước; là có căn cứ. Hơn nữa thực chất họ Hà có họp và có biên bản ngày 27/3/2016 (Bút lục số 73) nhưng chưa có chữ ký ông H. Nên không thể căn cứ vào biên bản đó xác định ông H đã biết từ thời điểm 2016 để cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết.

- Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện là 1 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại.

Ngày 19/02/2016 ông Hà Ngọc Q có đơn đề nghị ngừng giao dịch. Ngày 09/5/2016 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội huyện G đã làm việc với ông Hà Ngọc Q, về việc đề nghị ngừng giao dịch, yêu cầu ông Quang cung cấp tài liệu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 09/5/2016. Và sau 30 ngày kể từ ngày 09/5/2016 ông Hà Ngọc Quang không cung cấp được các giấy tờ tài liệu sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định. Ngày 01/8/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Hà Thị Tố N.

Ngày 04/5/2017, Tòa án thụ lý vụ án hành chính do người khởi kiện là ông Hà Văn Vui đại diện cho dòng họ Hà nộp đơn khởi kiện.

Sau đó do chưa có hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán về vụ kiện có nhà thờ họ, hơn nữa ông Vui không phải là người đứng tên trong sổ địa chính. Người đứng tên trong sổ địa chính là bố ông Hà Anh H, nên dòng họ thống nhất để ông H khởi kiện. Sau đó đã có thay đổi về người khởi kiện để đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy nên ông Vui rút đơn khởi kiện và ông H đại diện cho họ Hà khởi kiện. Ông H làm đơn khởi kiện ngày 02/11/2017 thì đến ngày 05/11/2017 ông Vui mới rút đơn khởi kiện. Việc khởi kiện kế tiếp nhau về mặt thời gian, liên tục. Những người trong họ Hà chưa bao giờ từ bỏ yêu cầu khởi kiện để đòi lại nhà thờ họ. Nên lời trình bày của ông Vui về vấn đề này là có căn cứ.

Về bản chất là họ Hà đã khởi kiện từ tháng 4/2017 trong thời hạn 1 năm kể từ ngày ban hành quyết định hành chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho bà N. Thay đổi giữa người khởi kiện là ông Vui chuyển sang ông H đúng ra không cần thiết phải đình chỉ việc giải quyết vụ án và thụ lý vụ án mới.

Do đó cần xác định thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn để đảm bảo quyền lợi chính đáng của người khởi kiện.

* Xem xét ý kiến Luật sư về đưa thiếu người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát, đây là vụ án hành chính, các con bà N đương nhiên sẽ được bà N, ông P đại diện theo pháp luật. Hơn nữa, những người khác trong dòng họ mà Luật sư cho rằng Tòa án chưa đưa vào tham gia tố tụng, là con cháu ông Tiến, do ông Tiến đại diện. Trường hợp phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N, ông Đ thì có lợi cho những người khác trong dòng họ vì đây là tài sản chung của dòng họ. Do đó đây không phải là căn cứ để hủy án sơ thẩm.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hà Thị Tố N và các luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà N xác định về chủ thể ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện là đúng thẩm quyền như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND, Luật đất đai năm 2003, Thông tư số 1990/2001/TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ Địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thông tư liên tịch số 1442/1999/TTLT-TCĐC-BTC ngày 21/9/1999 của Tổng cục địa chính và Bộ Tài chính hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 01/7/1999 của Thủ tướng chính phủ; Quyết định số 65/2001/QĐ-UB ngày 29/8/2001 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất ao và vườn liền kề khu dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội; tờ trình số 145/TTr-ĐCNĐ&ĐT ngày 24/9/2004 thì UBND huyện G là chủ thể có thẩm quyền ban hành Quyết định số 846/QĐ-UB ngày 28/9/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ205148.

[2.3] Về nguồn gốc diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử đụng đất đang là đối tượng bị khởi kiện:

Thửa đất ông Hà Minh Đ được cấp giấy CNQSD đất có nguồn gốc từ năm 1958, khi đào sông Bắc Hưng Hải đã lấy đất của nhà thờ chi 2 - họ Hà làng B, được Nhà nước đền bù tiền nhà và đền bù đất khu vực xóm 3 thôn B. Khi đền bù đất có bà Hà Thị Nhã là con gái họ Hà lấy chồng tại làng B và bà Trần Thị Sinh (là con dâu của dòng họ) đã đứng ra nhận tiền đền bù và nhận đất rồi di chuyển ngôi nhà gỗ lên xây dựng lại nhà thờ trên đất đền bù. Sau khi xây dựng nhà thờ xong thì mẹ

đẻ ông Hà Minh Đ là bà T mới từ Vĩnh Yên về làng cùng các con còn bố ông Đ là ông Hà Văn T vẫn ở Phúc Yên thỉnh thoảng mới về. Do chưa có đất ở làng B nên mẹ con ông Đ vào ở nhờ nhà thờ họ.

Về hồ sơ địa chính đối với diện tích đất này hiện đang được lưu trữ tại UBND xã B, huyện G đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập theo quy định. Thấy: Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1986 thì thửa đất có số thửa 157, tờ bản đồ số 2, diện tích 256m^2 đứng tên ông Hà Văn Cừu.

Tại bản đồ và sổ dã ngoại năm 1993: Thửa đất này thể hiện tại thửa số 68, tờ bản đồ số 15, diện tích 258m^2 và vẫn đứng tên ông Hà Văn Cừu.

Những người thuộc bên khởi kiện xác định ông Hà Văn Cừu là người được giao quản lý nhà, đất của nhà thờ họ và không phải là bố đẻ của ông Hà Minh Đ (bố của ông Hà Minh Đ là ông Hà Văn T), điều này được các bên thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định *"Trước khi cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Hà Minh Đ thì thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của Chi 2 – họ Hà Hữu do ông Hà Văn Cừu là người trong dòng họ đứng tên"* là có căn cứ.

[2.4]. Xét các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, đại diện UBND huyện G cung cấp các tài liệu về việc kê khai xin cấp giấy CNQSD đất của ông Đ và xác định: Quá trình cấp giấy CNQSD đất năm 2004 cho hộ ông Hà Minh Đ thể hiện ông Đ khai nguồn gốc đất thổ cư của bố mẹ được đền bù sông Bắc Hưng Hải năm 1958 và bố mẹ cho năm 1970 nhưng không có giấy tờ gì. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của gia đình ông Đ chỉ có: Biên bản xác định ranh giới và biên bản họp gia đình gồm 05 anh chị em của ông Đ là Hà Văn Thực; Hà Thị Cầm; Hà Thị Hưng; Hà Minh Đ và Hà Thị Ngân. Không có tài liệu nào thể hiện thửa đất trên đứng tên bố mẹ ông Hà Minh Đ.

Căn cứ vào hồ sơ địa chính của thửa đất nêu ở phần trên thì nguồn gốc đất mà ông Hà Minh Đ kê khai xin cấp giấy không phải của bố mẹ ông Đ, cũng không có tài liệu nào về việc chuyển giao quyền sử dụng đất sang cho ông Đ.

Đồng thời tại biên bản họp chi 2 - họ Hà ngày 02/6/1996 (BL 128) ông Đ với tư cách là đại diện cho ông Hà Văn T cũng ký biên bản họp và thừa nhận đang trông nom nhà thờ, không được tự ý sửa chữa.

Báo cáo số 1099/UBND-TN&MT ngày 24/5/2018 của UBND huyện G về việc cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án hành chính yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất số CE 011106 tại xã B, huyện G thể hiện nội dung: "*Nguồn gốc thửa đất do gia đình*

khai báo cung cấp tại thời điểm xét duyệt chưa đầy đủ dẫn đến việc cấp Giấy CNQSD đất chưa chính xác. Hiện nay sau khi xem xét ý kiến khu dân cư và các tài liệu lưu trữ tại UBND xã, UBND xã B nhận thấy hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất cho gia đình ông Hà Minh Đ là chưa đủ cơ sở. Từ các căn cứ trên, UBND huyện G nhận thấy việc ông Hà Văn Vui đề nghị xem xét lại việc cấp Giấy CNQSD đất cho gia đình ông Hà Minh Đ là có cơ sở".

Cũng như tại Văn bản số 7327/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 07/9/2018 của Sở TN&MT Hà Nội gửi UBND thành phố Hà Nội có nội dung: *"Việc tranh chấp đất đai có liên quan đến nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, cấp Giấy CNQSD đất số Đ 205148 ngày 28/9/2004 của UBND huyện G cho hộ gia đình ông Hà Minh Đ do trong quá trình xét duyệt cấp Giấy CNQSD đất, UBND xã B xác định nguồn gốc sử dụng đất không đầy đủ dẫn đến việc UBND huyện G cấp Giấy CNQSD đất chưa đúng với đối tượng sử dụng đất".* Những nội dung xác nhận này phù hợp với quy định của Luật đất đai qua các thời kỳ đã quy định về thẩm quyền và điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, tại bản án sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện để hủy Quyết định số 846/QĐ-UB ngày 28/9/2004 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có danh sách cấp cho hộ ông Hà Minh Đ và cấp Giấy CNQSD đất số Đ 205148 cho hộ gia đình ông Hà Minh Đ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 011106 ngày 01/8/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho bà Hà Thị Tố N. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Do việc cấp Giấy CNQSD đất số Đ 205148 của UBND huyện G cấp cho hộ gia đình ông Hà Minh Đ đối với thửa đất số 68 tờ bản đồ số 15 lập năm 1993 có diện tích 263m^2 đã là không đúng do xác định sai nguồn gốc chủ sử dụng đất như đã phân tích trên. Nên văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung số 685/2016/VBTT ngày 01/4/2016 lập tại Văn phòng công chứng G, thành phố Hà Nội gồm có ông Hà Minh Đ, bà Phạm Thị N, bà Hà Thị Tố N thì bà Hà Thị Tố N nhận phân chia thửa đất số 68(1), tờ bản đồ số 15, diện tích 125,7m^2 đất ở là không có giá trị pháp lý vì vi phạm về nội dung. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G đã chấp nhận đăng ký biến động trên giấy chứng nhận số Đ 205148 vào ngày 28/7/2016 và sau đó căn cứ vào bản Thỏa thuận phân chia QSDĐ bị vô hiệu để đề nghị tách thửa đất cho chị Hà Thị Tố N diện tích 125,7m^2, số thửa 68(1), theo hồ sơ số 000470.TQ.001. Diện tích còn lại 132,3m^2, số thửa 68; cùng ngày

28/7/2016, Chi nhánh G có Tờ trình số 3619/VPĐKĐĐGL về việc đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất tại xã B, huyện G trình Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền ở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất cho bà Hà Thị Tố N.

Ngày 01/8/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội căn cứ vào các tài liệu này để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị Tố N số CE 011106 ngày 01/8/2016 tại thửa đất số 68(1), tờ bản đồ số 15, diện tích 125,7m^2. Việc cấp giấy chứng nhận trên cơ sở tờ trình và vản bản thỏa thuận vô hiệu đã không đúng về chủ thể được cấp. Nên cần phải hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

[2.5] Về yêu cầu độc lập của bà N, ông P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N mới đưa ra yêu cầu độc lập, do đó yêu cầu độc lập của bà N, ông P không có căn cứ xem xét. Tuy nhiên bà N vẫn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác, và Tòa án thụ lý yêu cầu này của bà N để đảm bảo quyền lợi chính đáng đối với những tài sản của bà N, ông P trên đất.

[3] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đồng thời quyết định về án phí, quyền kháng cáo đúng với quy định của pháp luật.

Luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị Tố N không chứng minh được yêu cầu của bà N là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ông Hà Minh Đ không kháng cáo, bà Hà Thị Tố N kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu, chúng cứ gì mới nên không có căn cứ để xem xét, cần bác yêu cầu của bà N như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Tố N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Tố N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Hà Thị Tố N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, ghi nhận bà N đã nộp xong 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí tại Biên lai số 00958 ngày 23/8/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, P.HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Lệ **Lê Thị Thúy Bình** **Nguyễn Mạnh Tiến**